**CÂU HỎI ÔN TẬP ĐỊA 9 (TỪ 2/3-8/3)**

**BÀI 28 – 30: Vùng Tây Nguyên**

**Câu 1 :** (nhận biết)

Tỉnh nằm ở ngã ba biên giới Việt Nam- Lào-Campuchia

A. Gia Lai B. Đắk Lắk C. Kon Tum D. Lâm Đồng

**Câu 2:** (nhận biết)

Một trong những đặc điểm về địa hình ở Tây Nguyên là:

A. Địa hình núi cao bị cắt xẻ mạnh. B. Địa hình cao nguyên xếp tầng.

C. Địa hình núi xen kẽ với đồng bằng D. Địa hình cao nguyên đá vôi tiêu biểu.

**Câu 3:** : (Thông hiểu )

Khó khăn lớn nhất về khí hậu đối với sản xuất và đời sống ở Tây Nguyên là:

A. Hay có những hiện tượng thời tiết thất thường. B. Nắng lắm, mưa nhiều làm cho đất bị rửa trôi.

C. Mùa mưa thường xuyên gây ra lũ lụt. D. Mùa khô kéo dài dẫn đến thiếu nước nghiêm trọng

**Câu 4:** : (Thông hiểu )

Về mật độ dân số, Tây Nguyên hiện là vùng:

A. Có mật độ thấp sau Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Dân cư trù mật do nhập cư từ các vùng khác.

C. Có mật độ dân số thấp nhất cả nước. D. Có mật độ trung bình so với các vùng khác.

**Câu 5:** (Vận dụng)

Mục tiêu hàng đầu trong việc phát triển kinh tế- xã hội ở Tây Nguyên là:

A. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

B. Đẩy mạnh khai thác khoáng sản, thủy điện.

C. Mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm (cà phê, chè…).

D. Tăng cường khai thác và chế biến lâm sản.

**Câu 6:** (Vận dụng)

Các loại cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở Tây Nguyên là:

A. Mía, đậu tương, thuốc lá, lạc. B. Cà phê, cao su, chè, điều

C. Bông, lạc, hồ tiêu, dừa D. Thuốc lá, đậu tương, dừa, hồ tiêu.

**Câu 7 :** : (Thông hiểu )

Nông sản nổi tiếng ở Buôn Ma Thuột và Đà Lạt là :

A. Chè, điều và mía. B. Cao su và hoa, quả nhiệt đới.

C. Hồ tiêu, bông và thuốc lá. D. Cà phê và hoa, rau quả ôn đới.

**Câu 8.** (Vận dụng)

Các ngành công nghiệp phát triển khá mạnh ở Tây Nguyên là :

A. Công nghiệp khai khoáng B. Sản xuất vật liệu xây dựng.

C. Chế biến nông-lâm sản. D. Sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 9 :** : (Thông hiểu )

Mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực hiện nay của Tây Nguyên là :

A. Cao su. B. Cà phê. C. Ca cao. D. Hồ tiêu.

**Câu 10.** : (Thông hiểu )

Các trung tâm kinh tế quan trọng ở Tây Nguyên là

A. Plây Ku, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt. B. Gia Nghĩa, Bảo Lộc, Kon Tum.

C. Đắk Tô, Đăk Min, Di Linh. D. Krông Buk, Krông Ana, Buôn Đôn.

**Câu 11**: (Vận dụng)

Điểm đặc biệt nhất về vị trí của Tây Nguyên là:

A. Giáp 2 quốc gia B. Địa hình cao C. Không giáp biển

D. Đất Feralit.

**Câu 12:** (Vận dụng)

Để thay đổi diện mạo kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên nhà nước ta có các dự án.

A. Đưa du lịch trở thành ngành kinh tế động lực.
B. Xóa đói giảm nghèo, khai thông đường Hồ Chí Minh.
C. Phát triển thủy điện, nâng cấp hệ thống giao thông đường bộ Đông - Tây.
D. Nâng cao mặt bằng dân trí, giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiê

**Câu 13**: (nhận biết)

Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Tây Nguyên là:

A. Ba dan B. Mùn núi cao C. Phù sa D. Phù sa cổ.

**Câu 14**: (Thông hiểu )

 Những tiêu chí phát triển nào của Tây Nguyên thấp hơn bình quân chung cả nước?

 A. Gia tăng dân số B. Thu nhập bình quân đầu người

 C. Tỷ lệ thị dân D. Tuổi thọ trung bình.

**Câu 15**: (Thông hiểu)

Loại cây công nghiệp phát triển nhất Tây Nguyên là:

 A. Chè B. Cao su C. Cà phê D. Điều.

**Câu 16**: (nhận biết)

Cà phê được trồng nhiều nhất ở tỉnh nào của Tây Nguyên?

 A. Lâm Đồng B. Đắk Lắk C. Gia Lai D. Kon Tum.

**Đáp án: A**

**Câu 17**: (Thông hiểu)

 Loại khoáng sản giàu trữ lượng nhất ở Tây Nguyên là:

 A. Bô xít B. Vàng C. Kẽm D. Than đá.

**Câu 18**: (Vận dụng)

Hoạt động dịch vụ phát triển mạnh nhất ở Tây Nguyên là:

A. Du lịch.. B. Giao thông, vận tải. C. Bưu chính viễn thông . D. Xuất nhập khẩu.

**Câu 19**:(Thông hiểu)

Đà Lạt, ngoài nổi tiếng về hoa nơi đây còn được biết đến là nơi sản xuất nhiều:

 A. Cây công ngiệp B. Rừng lá kim C. Đại gia súc D. Rau quả ôn đới.

**Câu 20**: (nhận biết)

Loại cây công nghiệp Tây Nguyên trồng ít hơn Trung Du miền núi Bắc Bộ là:

 A. Cà phê B. Chè C. Cao su D. Điều.

**Câu 21**: (Vận dụng)

Khó khăn lớn nhất trong sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên hiện nay là:

A. Khô hạn kéo dài B. Đất đai thoái hoá C. Công nghệ chế biến D. Thị trường.

**Câu 22:** : (Vận dụng)

 Cho bảng số liệu: Giá trị sản xuất công nghiệp của vùng Tây Nguyên và cả nước thời kì 1995 – 2002 (nghìn tỉ đồng)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | 1995 | 2000 | 2002 |
| Tây Nguyên | 1,2 | 1,9 | 2,3 |
| Cả nước | 103,4 | 198,3 | 261,1 |

So sánh tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp của Tây Nguyên so với cả nước thời kì 1995-2002?

A. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp của Tây Nguyên chậm hơn so với cả nước (192% so với 252%)

B. Giá trị sản xuất công nghiệp của Tây Nguyên và cả nước liên tục tăng, lần lượt là 1,1 nghìn tỉ đồng và 157,7 nghìn tỉ đồng.

**Bài 31, 32, 33. VÙNG ĐÔNG NAM BỘ.**

**Câu 1:** (nhận biết)

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giáp biển ở Đông Nam Bộ

A. Bình Dương, Bình Phước B. TP Hò Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu.

C. Tây Ninh, Đồng Nai. D. Đồng Nai, Bình Dương.

**Câu 2:** (nhận biết)

Hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở ĐNB là:

A. Đát xám và đất phù sa B. Đất badan và đất feralit

C. Đất phù sa và đất feralit D. Đất badan và đất xám.

**Câu 3 :** (Thông hiểu)

Khó khăn của ĐNB đối với phát triển kinh tế là :

A. Chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển (TP HCM và Bà Rịa – Vũng Tàu)

B. Đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường

C. Ít khoáng sản, rừng và tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường.

D. Tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái

**Câu 4 :** (Thông hiểu)

Đặc điểm không đúng với vùng ĐNB là :

A. Dân cư đông đúc, mật độ dân số khá cao

B. Thị trường tiêu thụ hạn chế do đời sống nhân dân ở mức cao

C. Lực lượng lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

D. Có sức hút mạnh mẽ với lao động cả nước.

**Câu 5.** (Thông hiểu)

Tỉ lệ dân số thành thị ở ĐNB đã vượt quá mức :

A. 50 % B. 40 % C. 30 % D. 10 %

**Câu 6 :** (Thông hiểu)

Trong cơ cấu GDP của ĐNB, chiếm tỉ trọng lớn nhất là khu vực

A. Nông, lâm, ngư nghiệp B. Dich vụ

C. Công nghiệp xây dựng D. Khai thác dầu khí

**Câu 7.** (Vận dụng)

Các ngành công nghiệp hiện đại đã hình thành và phát triển ở ĐNB là

A. Dệt – may, da- giầy, gốm sứ B. Dầu khí, phân bón, năng lượng

C. Chế biến lương thực- thực phẩm, cơ khí D. Dầu khí, điện tử, công nghệ cao

**Câu 8.** (nhận biết)

Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở ĐNB là

A. Chè B. Cà phê C. Cao su D. Hồ tiêu

**Câu 9.** (Vận dụng)

Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây trồng ở ĐNB là

A. Thủy lợi B. Phân bón C. Bảo vệ rừng đầu nguồn D. Phòng chống sâu bệnh

**Câu 10.** (nhận biết)

Trung tâm du lịch lớn nhất của ĐNB và cả nước là:

A. Vũng Tàu B. TP Hồ Chí Minh. C. Đà Lạt D. Nha Trang

**Câu 11**: (Thông hiểu)

Tỷ lệ dầu thô khai thác ở Đông Nam Bộ so với cả nước chiếm:

 A. 30 % B. 45 % C. 90 % D. 100 %.

**Câu 12**: (Vận dụng)

 Ngoài nguồn dầu khí, Đông Nam Bộ còn phát triển mạnh các ngành kinh tế biển:

 A. Đánh bắt hải sản. B. Giao thông, vận tải biển.

 C. Dịch vụ, du lịch biển. D. Tất cả các ngành trên.

**Câu 13**: (Thông hiểu)

 Một vấn đề bức xúc nhất hiện nay ở Đông Nam Bộ là:

A. Nghèo tài nguyên. B. Dân đông. C. Thu nhập thấp. D. Ô nhiễm môi trường.

**Câu 14**: (Thông hiểu)

Trong các tiêu chí phát triển, tiêu chí nào Đông Nam Bộ thấp hơn cả nước?

 A. Mật độ dân số. B. Tỷ lệ dân dân thành thị.

 C. Thu nhập bình quân đầu người. D. Tỷ lệ thất nghiệp.

**Câu 15**: (nhận biết)

Trong cơ cấu kinh tế của vùng, ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất là:

 A. Nông nghiệp B. Công nghiệp, xây dựng C. Dịch vụ.

**Câu 16**: (nhận biết)

Loại cây công nghiệp được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là:

 A. Điều B. Hồ tiêu C. Cà phê D. Cao su.

**Câu 17**: (Thông hiểu)

 Loại hình dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất vùng và cả nước là:

 A. Giao thông, vận tải B. Bưu chính, viễn thông

 C. Xuất nhập khẩu D. Du lịch.

**Câu 18**: (Vận dụng)

Đông Nam Bộ có thể phát triển kinh tế nhanh là nhờ vị trí :

 A. Trung tâm kinh tế phía Nam B. Gần đường biển giao thông quốc tế.

 C. Trung tâm các nước Đông Nam Á D. Tất cả các ý trên.

**Bài 34. THỰC HÀNH.**

**Câu 1**: (Thông hiểu)

Trong cơ cấu sản phẩm của vùng, ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất cả nước là:

 A. Khai thác nhiên liệu B. Cơ khí, điện tử C. Hoá chất D. Điện.

**Câu 2**: (Vận dụng)

 Những ngành công nghiệp nào sử dụng tài nguyên có sẵn?

 A. Luyện kim, cơ khí B. Hàng may mặc

 C. Chế biến lương thực, thực phẩm B. Công nghệ cao.

**Câu 3**: (Vận dụng)

Những ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động là:

 A. Dệt may B. Điện C. Hoá chất D. Khai thác dầu.

**Bài 35, 36. VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG.**

**Câu 1:** (nhận biết)

Là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta, ĐBSCL có diện tích khoảng

A. 20 000 km2 B. 30 000 km2 C. 40 000 km2 D. 50 000 km2

**Câu 2:** (nhận biết)

 Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở ĐBSCL là:

A. Đất phèn B. Đất mặn. C. Đất phù sa ngọt. D. Đất cát ven biển

**Câu 3 :** (Thông hiểu)

Vào mùa khô, khó khăn lớn nhất đối với nông nghiệp ở ĐBSCL là :

A. Xâm nhập mặn B. Cháy rừng. C. Triều cường. D. Thiếu nước ngọt

**Câu 4 :** (Thông hiểu)

Để hạn chế tác hại của lũ, phương hướng chủ yếu hiện nay là :

A. Xây dựng hệ thóng đê điều. B. Chủ động chung sống với lũ.

C. Tăng cường công tác dự báo lũ. D. Đầu tư cho các dự án thoát nước.

**Câu 5:** (nhận biết)

Các dân tộc ít người sinh sống ở ĐBSCL là:

A. Tày, Nùng, Thái. B. Gia Rai, Ê Đê, Ba Na.

C. Khơ me, Chăm, Hoa. D. Giáy, Dao, Mông.

**Câu 6:** (Thông hiểu)

 ĐBSCL là :

A. Vùng trọng điểm cây công nghiệp lớn nhất cả nước

B. Vùng trọng điểm lúa lớn nhất cả nước.

C. Vùng trọng điểm chăn nuôi gia súc lớn nhất cả nước

D. Vùng trọng điểm cây thực phẩm lớn nhất cả nước

**Câu 7:** (Thông hiểu)

 So với các vùng khác, đặc điểm không phải của ĐBSCL là

A. Năng suất lúa cao nhất cả nước B. Diện tích và sản lượng lúa cả năm cao nhất.

C. Bình quân lương thực theo đầu người cao nhất D. Là vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước.

**Câu 8.** (Vận dụng)

Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp ở ĐBSCL, chiếm tỉ trọng lớn nhất là ngành

A. Sản xuất vât liệu xây dựng B. Sản xuất hàng tiêu dùng.

C. Công nghiệp cơ khí D. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.

**Câu 9.** (Thông hiểu)

Hàng xuất khẩu chủ lực của vùng ĐBSCL là:

A. Gạo, xi măng, vật liệu xây dựng B. Gạo, hàng may mặc, nông sản

C. Gạo, thủy sản đông lạnh, hoa quả D. Gạo, hàng tiêu dùng, hàng thủ công

**Câu 10.** (Thông hiểu)

Trung tâm kinh tế lớn nhất ở ĐBSCL là.

A. Thành phố Cần Thơ. B. Thành phố Cà Mau.

C. Thành phố Mĩ Tho. D. Thành phố Cao Lãnh.

**Câu 11**: (Thông hiểu)

 Đặc điểm nổi bật về vị trí của Đồng bằng Sông Cửu Long là:

 A. Toàn bộ diện tích là đồng bằng. B. Hai mặt giáp biển.

 C. Nằm ở cực Nam tổ quốc. D. Đồng bằng rộng lớn nhất cả nước.

**Câu 12**: (Vận dụng)

 Những điều kiện để phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng Sông Cửu Long là:

 A. Đất, rừng B. Khí hậu, nước C. Biển và hải đảo D. Tất cả các ý trên.

**Câu 13**: (Vận dụng)

 Nhận định nào sau đây không đúng với Đồng bằng Sông Cửu Long?

 A. Năng suất lúa cao nhất B. Diện tích đồng bằng lớn nhất

 C. Sản xuất lúa gạo nhiều nhất D. Xuất khẩu nông sản nhiều nhất.

**Câu 14**: (Thông hiểu)

Chỉ số phát triển nào Đồng bằng Sông Cửu Long thấp hơn bình quân chung cả nước?

 A. Mật độ dân số B. Tỷ lệ hộ nghèo

 C. Thu nhập bình quân D. Tuổi thọ trung bình.

**Bài 37. THỰC HÀNH.**

**Câu 1**: (Vận dụng)

 Đồng bằng Sông Cửu Long có những thế mạnh gì về phát triển ngành thuỷ hải sản?

 A. ĐKTN B. Nguồn lao động C. Thị Trường D. Cả 3 ý trên.

**Câu 2**: (Thông hiểu)

Loại thuỷ sản nuôi trồng có giá trị xuất khẩu lớn nhất của vùng là:

 A. Cua B. Tôm thẻ chân trắng C. Cá Ba Sa D. Tôm sú.

**Câu 3**: (Thông hiểu)

Trong tổng sản lượng thuỷ hải sản của vùng, dẫn đầu là:

 A. Cá nuôi B. Cá khai thác C. Tôm nuôi D. Cua nuôi.

**Câu 4**: (Thông hiểu)

Bên cạnh là vựa lúa số 1 của cả nước, Đồng bằng sông Cửu Long còn phát triển mạnh:

 A. Nghề rừng B. Giao thông C. Du lịch D. Thuỷ hải sản.

**Câu 5**: (Vận dụng)

Nói Đồng bằng Sông Cửu Long là vựa lúa số 1 của cả nước vì chiếm

 A. hơn 50% diện tích canh tác B. hơn 50% sản lượng

C. hơn 50% diện tích và sản lượng D. nhiều điều kiện thuận lợi.

**Câu 6**: (Thông hiểu)

Ngành công nghiệp có điều kiện phát triển nhất ở Đồng bằng Sông Cửu Long là:

 A. Sản xuất hàng tiêu dùng B. Dệt may

 C. Chế biến lương thực thực phẩm D. Cơ khí.

**Câu 7**: (Thông hiểu)

 Loại hình giao thông vận tải phát triển nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long là:

 A. Đường sông B. Đường sắt C. Đường bộ D. Đường biển.

**Câu** 8: (nhận biết)

Có một loại hình dịch vụ khó tìm thấy ở các vùng khác ngoài ĐB Sông Cửu Long:

 A. Chợ đêm B. Chợ gỗ C. Chợ nổi D. Chợ phiên.